

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T - TỈNH
LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tấn.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức
Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Thái Thị Bé S, Sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn Thái Thị Bé S trình bày nội dung vụ kiện như sau: Bà Thái Thị Bé S và ông Nguyễn Văn T có quen biết và tìm hiểu nhau sau đó kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Ông T hay bạo lực gia đình, đánh đập bà nhiều lần. Do đó, bà S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà S và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Hồng G và Thái Minh T. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là cháu Thái Minh T, sinh ngày 17/10/2004, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Thị Hồng G đã thành niên nên bà không đề cập.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Bị đơn: Vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt mà không phải vì lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà S và ông T kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An nên hôn nhân của bà S với ông T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của bà S và ông T, theo trình bày của bà S, giữa bà S và ông T luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, ông T thường đánh đập bà. Mâu thuẫn không hòa giải được dẫn đến hôn nhân không được hạnh phúc. Bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông T vào năm 2018, do ông T đề nghị đoàn tụ nên

bà đã rút đơn xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Tân T đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019. Tuy nhiên, sau đó giữa bà S và ông T vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nên không thể hiện ý kiến. Xét thấy thời gian chung sống giữa bà S và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà S và ông T còn có 01 con chung chưa thành niên là cháu Thái Minh T, sinh ngày 17/10/2004. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T có văn bản trình bày ý kiến được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà S về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Bà Thái Thị Bé S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Bé S

Về hôn nhân: Bà Thái Thị Bé S được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Thái Thị Bé S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Thái Minh T, sinh ngày 17/10/2004.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Thái Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số 0001354, ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Ánh